



Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp

# CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

**THÁNG 06/2020**

*(Theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)*

## **MỤC LỤC**

<b><u>I. PHẠM VI TÍNH TỶ LỆ AN TOÀN VỐN</u></b>	Trang 1
<b><u>II. CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ</u></b>	Trang 1
<b><u>III. TỶ LỆ AN TOÀN VỐN (CAR)</u></b>	Trang 2
<b><u>IV. KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO</u></b>	Trang 3
<b><u>V. RỦI RO TÍN DỤNG</u></b>	Trang 5
<b><u>VI. RỦI RO HOẠT ĐỘNG:</u></b>	Trang 8
<b><u>VII. RỦI RO THỊ TRƯỜNG:</u></b>	Trang 12

## I. PHẠM VI TÍNH TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

Đây là nội dung công bố thông tin liên quan đến Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ("Ngân hàng") và các công ty con (được gọi chung là "SHB") cho thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020. Các thông tin được công bố phù hợp với Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Phụ lục 5 - Nội dung công bố thông tin).

Tại ngày 30/06/2020, SHB có các công ty con được hợp nhất khi tính Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất như sau:

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu của ngân hàng
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác tài sản NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội ("SHB AMC")	20.000	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
2	Công ty TNHH MTV Tài chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ("SHB FC")	1.000.000	Tài chính/ Ngân hàng	100%
3	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn - Hà Nội Lào ("SHB Lào")	1.166.480	Tài chính/ Ngân hàng	100%
4	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn - Hà Nội Campuchia ("SHB Campuchia")	1.749.000	Tài chính/ Ngân hàng	100%

Tại ngày 30/06/2020, SHB không có công ty con nào là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, do vậy, bảng cân đối hợp nhất để tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất sẽ tương tự với bảng cân đối kế toán.

## II. CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ

Thông tin về các cấu phần Vốn cấp 1, Vốn cấp 2, giá trị các khoản mục giảm trừ khi tính Vốn tự có riêng lẻ và Vốn tự có hợp nhất của SHB tính đến thời điểm 30/06/2020 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu vốn tự có	Riêng lẻ	Hợp nhất
<b>1. Các khoản mục giảm trừ khi tính Vốn tự có</b>		
Các khoản trừ khỏi vốn cấp 1	5,260	5,260
Các khoản trừ khỏi vốn cấp 2	1,263,041	1,089,302
Các khoản trừ khác	3,959,494	44,014
Tổng các khoản giảm trừ khi tính Vốn tự có	5,227,795	1,138,576
<b>2. Giá trị vốn tự có</b>		
Vốn cấp 1 (sau các khoản trừ)	22,756,562	23,104,040
Vốn cấp 2 (sau các khoản trừ)	12,343,393	12,591,982
<b>Tổng Vốn tự có</b>	<b>31,140,461</b>	<b>35,652,008</b>

### III. TỶ LỆ AN TOÀN VỐN (CAR)

#### 1. Quy trình tính toán Tỷ lệ an toàn vốn:

SHB đã xây dựng hệ thống tự động, ban hành và thực hiện quy trình tính toán Tỷ lệ an toàn vốn như sau:

- Thu thập, rà soát và tổng hợp dữ liệu đầu vào cho hệ thống tính toán, đảm bảo dữ liệu được cung cấp chính xác và kịp thời;
- Tính toán Tỷ lệ an toàn vốn;
- Kiểm tra kết quả tính toán Tỷ lệ an toàn vốn, đảm bảo kết quả được tính toán chính xác theo dữ liệu đầu vào và các phương pháp được quy định;
- Sử dụng kết quả Tỷ lệ an toàn vốn đã kiểm tra cho việc phân tích và báo cáo.

#### 2. Kế hoạch vốn đảm bảo duy trì Tỷ lệ an toàn vốn:

Để duy trì tỷ lệ an toàn vốn đạt mức mục tiêu theo Khẩu vị rủi ro và tạo ra được giá trị đáp ứng kỳ vọng của cổ đông, SHB xây dựng Quy trình lập kế hoạch vốn, Quy trình phân bổ vốn, Chính sách định giá với các nội dung chính như sau:

- Lập kế hoạch vốn từ 3 đến 5 năm dựa trên mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận, khẩu vị rủi ro và kết quả phân tích kịch bản bất lợi;
- Xây dựng các kế hoạch dự phòng sẵn sàng ứng phó với trường hợp Tỷ lệ an toàn vốn có dấu hiệu bị suy giảm;
- Phân tích danh mục tài sản, phân bổ vốn mục tiêu đến các Khối kinh doanh nhằm quản trị việc sử dụng vốn, định hướng phát triển vào các lĩnh vực ưu tiên, rủi ro thấp và tạo ra hiệu quả sinh lời cao nhất;
- Tái cấu trúc vốn để tối ưu hóa cơ cấu Vốn tự có, trong đó bao gồm việc phát hành nợ thứ cấp và xây dựng phương án phân phối lợi nhuận phù hợp với điều kiện thị trường;
- Xây dựng và triển khai chính sách xác định lãi suất cho vay dựa trên tính chất rủi ro của từng sản phẩm và khách hàng để đảm bảo lợi nhuận thu được đủ bù đắp rủi ro phát sinh và tạo ra thặng dư kỳ vọng;
- Thực hiện phân tích, dự phóng, phân bổ và giám sát mức độ đủ vốn định kỳ và chuẩn mực với sự tham gia của toàn hệ thống theo quy trình đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn;

#### 3. Nội dung định lượng:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu		Riêng lẻ	Hợp nhất
<b>A</b>	<b>Vốn tự có</b>	<b>31,140,461</b>	<b>35,652,008</b>
A1	Vốn cấp 1 (sau các khoản trừ)	22,756,562	23,104,040
<b>B</b>	<b>Tổng giá trị Tài sản có rủi ro (= 1 + 2 + (3+4)*12.5</b>	<b>345,596,626</b>	<b>356,251,651</b>
1	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	328,307,015	336,156,463
2	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	519,955	519,955
3	Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	1,188,712	1,331,618
4	Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	152,860	234,400
<b>C</b>	<b>Tỷ lệ vốn cấp 1 (=A1/B)</b>	<b>6.58%</b>	<b>6.49%</b>
<b>D</b>	<b>Tỷ lệ an toàn vốn (=A/B)</b>	<b>9.01%</b>	<b>10.01%</b>

## IV. KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Với mục tiêu xây dựng và phát triển một hệ thống quản lý rủi ro toàn diện, hướng tới các chuẩn mực quốc tế trong khuôn khổ quy định của Pháp luật, SHB đã xây dựng Khung quản lý rủi ro để thống nhất các nguyên tắc, định hướng, chiến lược phát triển đối với hệ thống quản lý rủi ro, đối với từng loại rủi ro trọng yếu trong hoạt động kinh doanh của SHB. Đồng thời đưa ra phương pháp tiếp cận tổng quan để xác định, đánh giá, xử lý rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tối đa hóa lợi nhuận cho SHB, đảm bảo các hoạt động của SHB được triển khai một cách an toàn, phù hợp với định hướng quản trị rủi ro từng thời kỳ.

### 1. Mô hình tổ chức và cơ cấu quản trị rủi ro

SHB triển khai mô hình quản trị rủi ro theo 3 tuyến phòng vệ trong mọi hoạt động, trong đó:

a). **Tuyến bảo vệ thứ nhất** có chức năng nhận dạng, kiểm soát và thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro do các bộ phận sau thực hiện:

- Các bộ phận kinh doanh (bao gồm bộ phận phát triển sản phẩm), các bộ phận có chức năng tạo ra doanh thu khác; các bộ phận có chức năng thực hiện các quyết định có rủi ro.
- Các bộ phận có chức năng phân bổ hạn mức rủi ro, kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro (thuộc bộ phận kinh doanh hoặc bộ phận độc lập) đối với từng loại hình giao dịch, hoạt động kinh doanh.
- Bộ phận nhân sự, bộ phận kế toán.

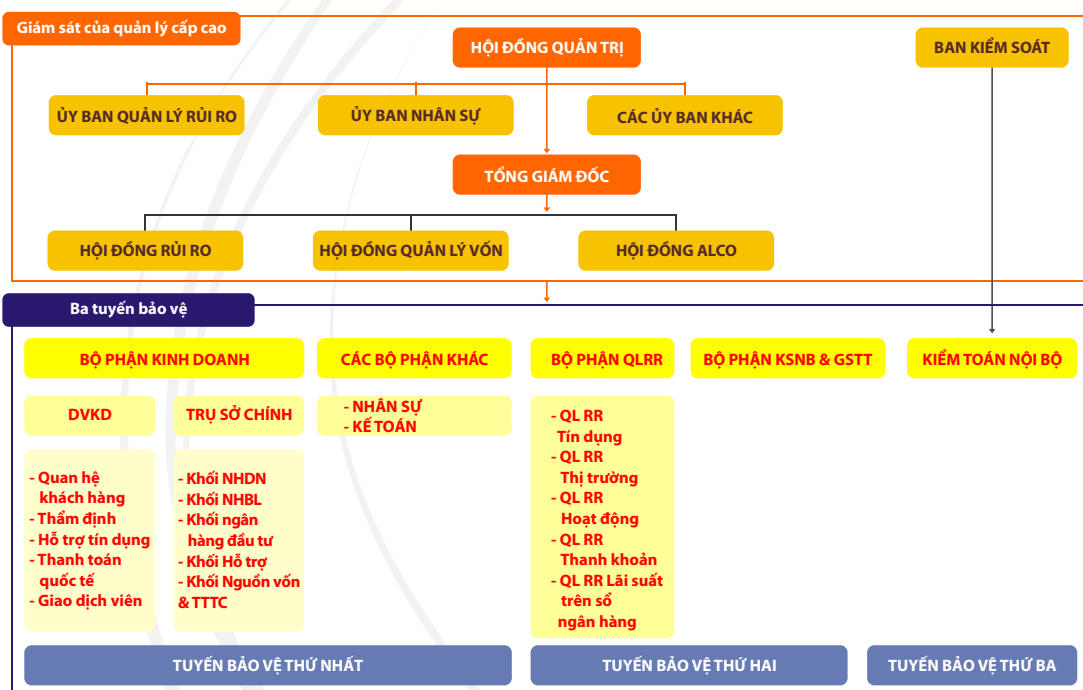
b). **Tuyến bảo vệ thứ hai** được xây dựng nhằm kiểm soát và giám sát rủi ro cùng với các chức năng liên quan đến các vấn đề pháp lý và tuân thủ, bao gồm các bộ phận sau:

- Bộ phận tuân thủ: Chịu trách nhiệm đảm bảo Ngân hàng tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý, của pháp luật trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng nói chung và công tác QLRR nói riêng, bao gồm nhưng không giới hạn: Đánh giá về tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật, NHNN về QLRR và đề xuất thực hiện sửa đổi, bổ sung (nếu cần); hỗ trợ quá trình xây dựng, rà soát quy định nội bộ về QLRR đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, NHNN; thông báo về thay đổi, sự tác động của các quy định pháp luật liên quan, hỗ trợ/ xử lý vướng mắc về việc tuân thủ quy định pháp luật, NHNN về QLRR; thực hiện báo cáo về tình hình tuân thủ quy định của pháp luật, NHNN đối với cơ quan quản lý về QLRR cũng như đối với hoạt động chung của Ngân hàng;
- Bộ phận QLRR: Chịu trách nhiệm xây dựng chính sách QLRR, quy định nội bộ về QLRR; giám sát và đảm bảo tuân thủ các chính sách QLRR, quy định nội bộ QLRR; tư vấn, khuyến nghị về QLRR, đưa ra ý kiến đánh giá độc lập về QLRR đối với các đề xuất từ các đơn vị/ bộ phận thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất; theo dõi, kiểm soát trạng thái rủi ro và thực hiện các báo cáo nội bộ về QLRR.

c). **Tuyến bảo vệ thứ ba** có chức năng kiểm toán nội bộ do bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện, có chức năng giám sát, đánh giá độc lập về sự hiệu quả, tính đầy đủ trong các hoạt động QLRR ở tầng bảo vệ thứ nhất và thứ hai.

d). Bên cạnh đó, SHB cũng thành lập đầy đủ các Ủy ban/ Hội đồng để giúp Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao trong hoạt động Ngân hàng.

## 2. Cơ cấu kiểm soát, giám sát và quản trị rủi ro của SHB như sau:



## 3. Văn hóa quản lý rủi ro

- SHB xây dựng và thiết lập văn hóa quản lý rủi ro nhất quán trong toàn hệ thống nhằm đảm bảo tất cả thành viên SHB nhận thức đầy đủ, thống nhất về tầm quan trọng của công tác QLRR, nâng cao năng lực QLRR, chủ động nhận diện, kiểm soát rủi ro trong từng hoạt động hàng ngày tại đơn vị mình và hoạt động của Ngân hàng;
- HĐQT và các cấp quản lý cấp cao là cấp khởi đầu để thiết lập các giá trị cốt lõi và các kỳ vọng về văn hóa QLRR. Toàn thể cán bộ nhân viên ngân hàng đều được đào tạo, truyền thông để đảm bảo tất cả nhân viên hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác QLRR và chịu trách nhiệm cá nhân về hành động của mình đối với hồ sơ rủi ro của Ngân hàng;
- Chính sách thù lao của Ngân hàng được xây dựng đảm bảo chi trả phù hợp với kết quả, hiệu quả đạt được, tiến tới đánh giá hiệu quả hoạt động có điều chỉnh theo rủi ro (RAROC).

## 4. Khẩu vị rủi ro

- Khẩu vị rủi ro là một cấu phần quan trọng trong Khung Quản lý rủi ro tổng thể của SHB, thể hiện mức độ rủi ro mà SHB sẵn sàng chấp nhận và cách tiếp cận để quản lý các loại rủi ro này trong quá trình hoạt động kinh doanh của SHB. Đảm bảo việc chấp nhận rủi ro phù hợp với các mục tiêu chiến lược, kế hoạch kinh doanh của SHB, kỳ vọng của các bên liên quan và được thực hiện thống nhất giữa các Đơn vị;
- Khẩu vị rủi ro là căn cứ để SHB xây dựng chiến lược quản trị rủi ro, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để kiểm soát các loại rủi ro trọng yếu và đảm bảo đủ vốn để bù đắp cho các tổn thất có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Khẩu vị rủi ro là nền tảng để SHB xây dựng và thiết lập tổng hạn mức rủi ro, phân bổ hạn mức rủi ro cho từng loại rủi ro trọng yếu tại SHB.
- Khẩu vị rủi ro được SHB thiết lập cho thời gian tối thiểu 03 năm (nhưng không quá 05 năm) và được rà soát định kỳ 01 năm/ lần hoặc đột xuất theo yêu cầu để có điều chỉnh kịp thời khi có thay đổi về môi trường pháp lý, kinh doanh;

## V. RỦI RO TÍN DỤNG

**Rủi ro tín dụng** là rủi ro do Khách hàng hoặc Đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Ngân hàng. Đây là một trong những rủi ro trọng yếu, chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng vốn yêu cầu của SHB.

Với mục tiêu tăng trưởng tín dụng bền vững, cân đối, đa dạng- SHB đã và đang tập trung xây dựng, kiện toàn hệ thống quản lý rủi ro tín dụng để quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng hiệu quả, phù hợp với định hướng quản trị rủi ro chung của toàn Ngân hàng.

### 1. Chính sách Quản lý rủi ro tín dụng

**Chính sách Quản lý rủi ro tín dụng SHB** đưa ra những quy định chung nhằm thống nhất mục tiêu, nguyên tắc và các vấn đề cơ bản về hoạt động quản lý rủi ro tín dụng, bảo đảm phù hợp với các chuẩn mực quốc tế và kinh nghiệm thực hành tốt nhất tại Việt Nam để áp dụng trong quản lý rủi ro tín dụng tại SHB. Đồng thời đưa ra phương pháp tiếp cận tổng quan để nhận diện, đo lường, đánh giá và xử lý rủi ro tín dụng, nhằm đảm bảo các hoạt động tín dụng của SHB được triển khai một cách an toàn, hiệu quả, phù hợp với định hướng quản trị rủi ro cho SHB trong từng thời kỳ.

Trên cơ sở đó, quản lý rủi ro tín dụng được thực hiện xuyên suốt trong quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt, quản lý tín dụng đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và đảm bảo thống nhất với chiến lược kinh doanh, chiến lược quản lý rủi ro SHB.

a). Nguyên tắc và chiến lược quản lý rủi ro tín dụng:

*Nguyên tắc quản lý RRTD* của SHB được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc quản lý RRTD của Ủy ban Basel và NHNN. Qua đó:

- Thiết lập môi trường QLRR phù hợp với quy mô, cơ cấu và mức độ phức tạp của hoạt động cấp tín dụng của Ngân hàng và môi trường bên ngoài; QLRR gắn chặt với quy trình cấp tín dụng chặt chẽ; Thiết lập các quy trình quản lý, đo lường và giám sát cấp tín dụng hiệu quả; Đảm bảo kiểm soát đầy đủ RRTD.
- Xác định mức RRTD SHB chấp nhận để đạt được mục tiêu kinh doanh của SHB và thực hiện quản lý, phân bổ vốn nhằm tối đa hóa lợi nhuận đã điều chỉnh rủi ro của SHB trong khuôn khổ đó.
- Nhận dạng đầy đủ, đo lường chính xác, đánh giá thường xuyên, liên tục để kịp thời phòng ngừa, giảm thiểu và QLRR hiệu quả trong tất cả các hoạt động cấp tín dụng (trong đó bao gồm cả sản phẩm tín dụng mới, hoạt động cấp tín dụng trong thị trường mới) của SHB.
- Quản lý RRTD đảm bảo kiểm soát độc lập giữa các bộ phận. Các chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận liên quan đến quản lý RRTD phải được xác định rõ ràng. Nguyên tắc ba tuyến bảo vệ được tuân thủ đầy đủ trong hoạt động cấp và quản lý rủi ro tín dụng.
- Các DMTD phải được giám sát và quản lý trong giới hạn rủi ro đã thiết lập và tính đến các rủi ro có thể phát sinh. Quy mô, đặc điểm và diễn biến RRTD của SHB phải được báo cáo cho HĐQT và TGD định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có yêu cầu để HĐQT, TGD chỉ đạo giải pháp và hành động ứng phó kịp thời.
- Bảo đảm hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu cũng như hỗ trợ tối đa hoạt động quản lý RRTD.
- Chính sách quản lý rủi ro tín dụng được rà soát, đánh giá định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro tín dụng.

Chiến lược quản lý rủi ro tín dụng được SHB xây dựng phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của Ngân hàng và đảm bảo quản lý trong khả năng chấp nhận rủi ro của Ngân hàng. Chiến lược quản lý rủi ro tín dụng được cụ thể hóa tại các văn bản chính sách, các quy định quy trình tín dụng và được theo dõi, báo cáo, kiểm soát định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.

b). Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý rủi ro tín dụng

- HĐQT là cấp có thẩm quyền cao nhất trong việc quản lý rủi ro tín dụng trên cơ sở tham mưu của Ủy ban Quản lý rủi ro và giám sát việc triển khai chính sách quản lý rủi ro tín dụng của Tổng Giám đốc đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc quản lý rủi ro tín dụng đã thiết lập.

- Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận liên quan đến quản lý RRTD được xác định rõ ràng theo mô hình 03 tuyến phòng vệ.

- Mọi trách nhiệm, thẩm quyền của cá nhân, đơn vị trong quá trình cấp tín dụng và quản lý RRTD đều được quy định cụ thể bằng văn bản. Việc phân cấp thẩm quyền được giám sát bởi cơ chế phù hợp nhằm đảm bảo được thực hiện hiệu quả. Tất cả các cá nhân, bộ phận liên quan đến RRTD, quản lý RRTD hiểu thống nhất, đầy đủ vị trí, trách nhiệm của mình trong công tác quản lý RRTD.

c). Hạn mức rủi ro tín dụng:

- Hạn mức rủi ro tín dụng được xây dựng và thiết lập căn cứ trên cơ sở phân bổ các giới hạn Khẩu vị rủi ro đảm bảo tuân thủ các yêu cầu, các giới hạn để đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng, đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu của Ngân hàng, cũng như tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

- Trên cơ sở các hạn mức rủi ro tín dụng đã được thiết lập, các đơn vị kinh doanh chịu trách nhiệm triển khai đảm bảo tuân thủ. Việc theo dõi, giám sát, báo cáo và xử lý vi phạm hạn mức được SHB thực hiện hàng ngày, định kỳ theo quy định nhằm đảm bảo kịp thời cảnh báo các trường hợp chạm ngưỡng.

- Định kỳ hàng năm, SHB sẽ thực hiện đánh giá tính phù hợp của hạn mức để đưa ra những điều chỉnh kịp thời.

c). Nhận diện, đo lường, giám sát và giảm thiểu rủi ro tín dụng:

SHB nhận dạng đầy đủ, đo lường chính xác, đánh giá thường xuyên, liên tục để kịp thời phòng ngừa, giảm thiểu và QLRR hiệu quả trong tất cả các hoạt động cấp tín dụng (trong đó bao gồm cả sản phẩm tín dụng mới, hoạt động cấp tín dụng trong thị trường mới). Cụ thể:

**- Nhận diện RRTD**

- SHB thực hiện xây dựng các tiêu chí nhận diện làm cơ sở để đo lường, kiểm soát RRTD ở trên cả cấp độ danh mục và cấp độ khoản vay.
- Ở cấp độ khoản vay, SHB nhận diện RRTD trên các tiêu chí định tính và định lượng theo nguyên tắc đánh giá đầy đủ các yếu tố liên quan đến 1 khoản vay bao gồm cả các yếu tố nội bộ (hoạt động của KH) và yếu tố bên ngoài (môi trường kinh doanh). Việc cấp tín dụng cũng như điều chỉnh bổ sung các điều kiện của khoản tín dụng đều phải được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền trên cơ sở đánh giá đầy đủ các rủi ro có thể phát sinh.
- Ở cấp độ danh mục, SHB nhận diện RRTD trên các tiêu chí về tuân thủ giới hạn, hạn mức cấp tín dụng theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ của SHB; Tập trung tín dụng; Chất lượng tín dụng, tỷ suất sinh lời trên hoạt động tín dụng; tuân thủ các quy định kiểm tra giám sát sau cho vay.



### **- Đo lường RRTD**

SHB xây dựng quy trình đo lường RRTD và áp dụng các công cụ, hệ thống đo lường RRTD trên cả hai cấp độ toàn danh mục tín dụng và từng khoản vay:

**Ở cấp độ khoản vay:** SHB xây dựng các công cụ, mô hình để đo lường và đánh giá mức độ rủi ro của KH bằng:

- Hệ thống XHTDNB: SHB sử dụng hệ thống XHTDNB để đo lường mức độ rủi ro, đo lường, dự báo khả năng vỡ nợ của KH. Kết quả xếp hạng KH được sử dụng để làm cơ sở xem xét cấp tín dụng và hỗ trợ áp dụng các chính sách tín dụng, chính sách giá. Các KH tại SHB ngoài việc chấm điểm tại thời điểm cấp tín dụng, còn phải được chấm điểm lại định kỳ nhằm phục vụ quản lý RRTD, giám sát KH và phát hiện những dấu hiệu rủi ro, từ đó có biện pháp xử lý kịp thời.
- Hệ thống theo dõi, cảnh báo sớm và giám sát các khoản nợ cần chú ý nhằm chủ động phát hiện và quản lý các KH có khả năng xảy ra rủi ro từ đó giảm thiểu khoản nợ có vấn đề.

**Ở cấp độ danh mục:** Việc quản lý và đo lường mức độ rủi ro của danh mục tín dụng được thực hiện trên cơ sở kết hợp nhiều chỉ tiêu đánh giá như ma trận dịch chuyển nhóm nợ, tỷ lệ dịch chuyển nhóm nợ .... Để đo lường mức độ rủi ro danh mục chính xác, SHB phân tách danh mục tín dụng theo nhiều cấp độ và thực hiện đo lường từng danh mục, dự báo chất lượng danh mục, với các phương thức và tiêu chí đo lường phù hợp với đặc thù từng danh mục cụ thể. Ngoài ra, theo lộ trình triển khai Basel, SHB đã lập kế hoạch xây dựng công cụ nhằm Đo lường mức lỗ không dự kiến (UL) và xây dựng, giám sát bộ tiêu chí quản lý DMTD để dự báo biến động, phân tích, đánh giá chất lượng của DMTD;

### **- Theo dõi, kiểm soát và giảm thiểu RRTD**

SHB thực hiện đánh giá, theo dõi, kiểm soát RRTD đối với từng khoản cấp tín dụng và toàn bộ danh mục cấp tín dụng theo định kỳ và có biện pháp xử lý khi chất lượng tín dụng bị suy giảm nhằm giảm thiểu rủi ro và đưa trạng thái RRTD của SHB về trạng thái mong muốn;

Việc đánh giá, theo dõi và kiểm soát RRTD tối thiểu bao gồm các nội dung sau: Theo dõi kết quả phân loại nợ của khoản cấp tín dụng; Đánh giá mức độ đầy đủ của dự phòng rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, thực hiện kiểm soát mục đích sử dụng vốn vay, định giá lại TSBĐ, kiểm tra sau cấp tín dụng. Ngoài ra, SHB thực hiện kiểm soát trạng thái RRTD thực tế để tuân thủ giới hạn, hạn mức cấp tín dụng theo quy định của Pháp luật, quy định nội bộ của SHB, đánh giá mức độ tuân thủ đối với các quy định nội bộ của NH nhằm đảm bảo kiểm soát và giảm thiểu RRTD.

## **2. Danh sách các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn**

SHB sử dụng kết quả xếp hạng của ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập là Moody's, Standard & Poor và Fitch Rating để xét hệ số rủi ro cho các khoản phải đòi định chế tài chính.

## **3. Danh mục các tài sản đảm bảo, bù trừ số dư nội bảng đủ điều kiện để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng**

SHB thực hiện ghi nhận các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng như sau:

### **a). Giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng tài sản bảo đảm:**

- Tiền mặt, giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm do SHB và các tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành;

- Giấy tờ có giá Chính phủ Việt Nam, Ngân hàng nhà nước phát hành;
- Cổ phiếu được niêm yết trên giao dịch trên sàn chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội.

b). Giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng Bù trừ số dư nội bảng.

Tiền gửi của các khách hàng định chế tài chính gửi tại SHB có đầy đủ hồ sơ pháp lý về thỏa thuận bù trừ số dư tài sản và nợ phải trả của khách hàng tại SHB.

#### 4. Tài sản có rủi ro tín dụng

a). SHB tính tài sản có rủi ro tín dụng theo phương pháp tiêu chuẩn, hệ số rủi ro đối với các khoản phải đòi được áp dụng theo quy định tại Thông tư 41 của Ngân hàng nhà nước.

b). Các khoản phải đòi, hệ số rủi ro tương ứng theo từng thứ hạng tín nhiệm và tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng hợp nhất theo từng doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Thứ hạng tín nhiệm	Tài sản có rủi ro
Từ AAA đến AA-	
Từ A+ đến BBB-	61,813
Từ BB+ đến B-	2,241,433
Dưới B- hoặc không có xếp hạng	14,903,967
<b>Tổng</b>	<b>17,207,214</b>

c). Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng theo rủi ro tín dụng và rủi ro tín dụng đối tác cụ thể số liệu hợp nhất như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị
<b>1. Tài sản tính theo rủi ro tín dụng</b>	
Khoản phải đòi Chính phủ	1,792,841
Khoản phải đòi Định chế tài chính	16,152,042
Khoản phải đòi Doanh nghiệp (*)	261,374,383
Khoản phải đòi Bán lẻ (**)	39,383,275
Các loại tài sản khác	17,453,922
<b>Tổng Tài sản tính theo rủi ro tín dụng</b>	<b>336,156,463</b>
<b>2. Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng đối tác</b>	<b>519,955</b>

(\*) Bao gồm các khoản phải đòi doanh nghiệp và cho vay bảo đảm bằng bất động sản cho KHDN.

(\*\*) Bao gồm các khoản phải đòi bán lẻ, khoản cho vay thế chấp nhà, khoản cho vay bảo đảm bằng bất động sản của KHCN.

c). Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng) được giảm thiểu rủi ro tín dụng (giá trị trước và sau khi giảm thiểu) theo các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng quy định cụ thể của Thông tư 41 theo số liệu hợp nhất cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị trước giảm thiểu	Giá trị sau giảm thiểu
<b>Tổng tài sản theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu rủi ro</b>	49,093,777	17,652,662
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu bằng tài sản đảm bảo	31,063,748	11,219,939
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu bằng bù trừ nội bảng	17,861,113	6,432,723
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu bằng bảo lãnh bên thứ 3	168,916	-
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu bằng phái sinh tín dụng		
<b>Tài sản tính theo rủi ro tín dụng không áp dụng các biện pháp giảm thiểu</b>	318,503,801	318,503,801
<b>Tổng cộng</b>	<b>367,597,577</b>	<b>336,156,463</b>

## VI. RỦI RO HOẠT ĐỘNG:

**Rủi ro hoạt động:** là rủi ro do các quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với SHB (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

**Phạm vi quản lý rủi ro hoạt động** bao trùm lên toàn bộ các hoạt động của Ngân hàng. Chính vì vậy để quản lý rủi ro hoạt động hiệu quả, SHB đã tiếp cận và triển khai các phương pháp, công cụ, đo lường rủi ro hoạt động theo chính sách Quản lý rủi ro hoạt động ban hành theo Quyết định số 380/2019/QĐ-HĐQT ngày 1/10/2019.

### 1. Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

- Chính sách quản lý rủi ro hoạt động được xây dựng và triển khai dựa trên các mô hình tiên tiến được chấp nhận, phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế Basel II;
- Chính sách quản lý rủi ro hoạt động của SHB được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo phù hợp với chiến lược quản trị rủi ro của ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Nội dung chính của chính sách Quản lý rủi ro hoạt động bao gồm:
  - Nguyên tắc chung quản lý rủi ro hoạt động:
  - Trách nhiệm của Đơn vị, cá nhân tham gia Quản lý rủi ro hoạt động, trong đó, HĐQT của SHB chịu trách nhiệm cuối cùng và cao nhất về chất lượng, hiệu quả quản lý rủi ro hoạt động của SHB.
  - Mô hình 3 tuyến bảo vệ, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của NHNN như đã được trình bày tại mục IV.1 nêu trên, trong đó đã xác định CBNV đóng vai trò là tuyến phòng thủ thứ nhất đối với chức năng nhiệm vụ trực tiếp của mình, chủ động trong việc phát hiện và ngăn ngừa các rủi ro hoạt động, rủi ro tiềm ẩn trong đơn vị mình.
  - SHB thiết lập hệ thống Điều phối viên RRHĐ tại các Đơn vị kinh doanh và Ban/Trung tâm tại Hội sở nhằm phối hợp với Khối QTRR triển khai các công cụ, phương pháp nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro hoạt động.
  - SHB giám sát hạn mức về mức độ tổn thất rủi ro hoạt động bao gồm: hạn mức về mức độ tổn thất tài chính và hạn mức về mức độ tổn thất phi tài chính.
    - Các trường hợp phát sinh tổn thất thực tế vượt hạn mức RRHĐ sẽ phải có biện pháp nhằm ngăn chặn, hạn chế, giảm thiểu các trường hợp tương tự trong tương lai và được báo cáo đầy đủ, kịp thời lên cấp có thẩm quyền.

- Các hạn mức về mức độ tổn thất rủi ro hoạt động được rà soát định kỳ tối thiểu hàng năm hoặc đột xuất theo đánh giá của Khối QTRR hoặc theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền.
- Các phương pháp, công cụ để nhận diện, đo lường và kiểm soát rủi ro hoạt động: (yêu cầu áp dụng tối thiểu 2 trong số các phương pháp dưới đây theo khoản 3 Điều 42 TT13/2018/TT-NHNN).
  - **Thu thập và phân tích số liệu tổn thất nội bộ và bên ngoài:** SHB thu thập các sự kiện rủi ro hoạt động nhằm có một cơ sở dữ liệu đầy đủ phục vụ cho việc phân tích, đánh giá bức tranh rủi ro hoạt động toàn hàng, từ đó đưa ra các đề xuất, biện pháp khắc phục/ quản trị rủi ro hoạt động.
  - **Chương trình tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát:** SHB tự nhận diện, đánh giá rủi ro và hiệu quả của các chốt kiểm soát trong hoạt động, quy trình tại các Đơn vị thuộc tuyến bảo vệ thứ 1. Sau các chương trình tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát, SHB xác định các rủi ro còn lại sau khi áp dụng các chốt kiểm soát so với rủi ro mục tiêu để có các biện pháp ứng xử phù hợp (chuyển, tránh, chia sẻ, giảm thiểu rủi ro, chấp nhận rủi ro).
  - **Sơ đồ hóa quy trình nghiệp vụ:** Là việc SHB sử dụng các sơ đồ trong các quy trình nghiệp vụ để xác định mức độ rủi ro trong từng quy trình nghiệp vụ, rủi ro hoạt động chung của các quy trình nghiệp vụ và mối liên hệ của các rủi ro này.
  - **Chỉ số kết quả kinh doanh và chỉ số rủi ro trọng yếu (Risk and performance indicators):** SHB xây dựng các chỉ số để đo lường, theo dõi, cảnh báo sớm các biến động của yếu tố tác động tác động đến rủi ro hoạt động trọng yếu/các rủi ro hoạt động trọng yếu để xác định các điểm yếu, lỗ hổng, các tổn thất tiềm ẩn và có các biện pháp kiểm soát, quản lý giảm thiểu rủi ro.
  - **Phân tích kịch bản:** Là việc SHB xây dựng các tình huống giả định xảy ra rủi ro có mức độ ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng (có thể sử dụng thêm nguồn là các sự kiện đã xảy ra trong quá khứ tại SHB hoặc tại các Ngân hàng khác..) để có thể xác định tổn thất mà SHB có thể phải đối mặt và đồng thời xây dựng các phương án xử lý khi rủi ro xảy ra và có các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu rủi ro.
  - **Sử dụng kết quả của KTNB và Kiểm toán độc lập:** giúp SHB có thể phân tích, đánh giá các rủi ro tiềm ẩn/ đã phát sinh, từ đó có các biện pháp xử lý, giảm thiểu rủi ro; và cũng là cơ sở dữ liệu đầu vào phục vụ cho việc triển khai các công cụ đo lường rủi ro hoạt động khác; xem xét đánh giá tính hiệu quả của việc triển khai Rủi ro hoạt động, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao tính hiệu quả, chất lượng quản lý rủi ro hoạt động.
- Quy định việc quản lý rủi ro hoạt động đối với các sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới và Quản lý rủi ro hoạt động trong ứng dụng công nghệ.
- Các biện pháp ứng xử với Rủi ro hoạt động: Tránh rủi ro; Giảm rủi ro; Chấp nhận rủi ro; Chia sẻ và chuyển rủi ro;
- Phân cấp thẩm quyền phê duyệt biện pháp ứng xử với RRHĐ;
- Kiểm soát rủi ro hoạt động với hoạt động thuê ngoài;
- Quản lý lao động và cơ chế đãi ngộ;
- Mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất do RRHĐ;
- Kế hoạch Duy trì hoạt động liên tục;
- Quản lý rủi ro an ninh thông tin;

- Quản lý rủi ro gian lận;
- Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động;
- Báo cáo và truyền thông về rủi ro hoạt động;

## 2. Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục

a.) Nhằm đảm bảo duy trì các hoạt động trọng yếu của SHB được duy trì một cách liên tục, giảm thiểu tổn thất trong trường hợp xảy ra khủng hoảng, SHB đã và đang xây dựng và triển khai kế hoạch duy trì hoạt động liên tục BCP đáp ứng tối thiểu đối với các kịch bản được quy định tại Khoản 1 Điều 41 TT13/2018/TT- NHNN

b). SHB đã ban hành các quy định, quy trình liên quan đến duy trì hoạt động liên tục nhằm mục đích xây dựng phương pháp luận trong việc triển khai, bao gồm:

- Quy định duy trì hoạt động liên tục của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;
- Quy trình phân tích tác động kinh doanh và xây dựng cập nhật kế hoạch duy trì hoạt động liên tục của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;
- Quy định mô hình tổ chức quản lý khủng hoảng;
- Quy định về đảm bảo tính liền mạch an ninh thông tin của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;

c). Quy tắc xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động liên tục

- Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục BCP được xây dựng cho các Đơn vị với từng kịch bản tối thiểu đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 41 TT13/2018/TT- NHNN;
- Kế hoạch kinh doanh liên tục được xây dựng dựa trên phân tích rủi ro và đánh giá tác động lên mọi hoạt động của Ngân hàng, từ đó xác định danh sách các hoạt động theo thứ tự ưu tiên và nguồn lực cần thiết để hỗ trợ hoạt động trọng yếu và kế hoạch ứng phó phù hợp;
- Kế hoạch kinh doanh liên tục được rà soát, đánh giá và cập nhật hằng năm hoặc đột xuất trong trường hợp (1) thay đổi về địa điểm và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng; (2) thay đổi đáng kể về nhân sự hoặc công nghệ thông tin và/hoặc (3) dựa trên các phát hiện cần yêu cầu cải thiện. SHB kiểm thử thường niên kế hoạch duy trì hoạt động liên tục để đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của BCP.

d). Dự phòng cho hệ thống CNTT

- SHB đã có Trung tâm dữ liệu dự phòng;
- SHB đã xây dựng kịch bản bảo đảm tính liền mạch ANTT cho các hệ thống trọng yếu tác động trực tiếp tới các hoạt động tài chính của SHB;
- SHB đã xây dựng kế hoạch diễn tập cho tất cả các tình huống nêu trong kịch bản;
- Kiểm tra công tác dự phòng cho các hệ thống CNTT: SHB đã có tài liệu chi tiết mô tả công tác dự phòng (gồm các phương án dự phòng tại chỗ và dự phòng thảm họa) cho các hệ thống CNTT ở SHB;

e). Đối với kế hoạch duy trì hoạt động liên tục cho tình huống dịch bệnh đối với các Đơn vị vận hành lõi, hỗ trợ quan trọng, các Đơn vị kinh doanh và các Đơn vị còn lại:

- Đã hoàn thành BCP cho các Đơn vị vận hành lõi và hỗ trợ quan trọng tại Trụ sở chính;
- Đã có hướng dẫn triển khai phương án khôi phục hoạt động cho các Đơn vị không yêu cầu bắt buộc làm việc tại chỗ;
- Đã hoàn thiện BCP cho ĐVKD.

f). Kế hoạch sắp tới:

- Trong năm 2020, SHB sẽ hoàn thiện Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục cho các tình huống khủng hoảng khác.

### 3. An Ninh Thông Tin

a). SHB đã triển khai thành công giải pháp an toàn, bảo mật thông tin, chống thất thoát dữ liệu (DLP) nhằm ngăn chặn rò rỉ/thất thoát dữ liệu của SHB ra bên ngoài qua các hình thức truyền gửi điện tử: thư điện tử (email), các ứng dụng trao đổi xã hội (chat), các trang web xã hội, usb/thiết bị di động, in dựa trên các quy định của Nhà nước, tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế; phù hợp với các chính sách, quy định, quy trình của SHB, bao gồm: chính sách an ninh thông tin, quy định phân loại và bảo vệ thông tin, quy trình xử lý cảnh báo từ hệ thống chống thất thoát dữ liệu;

b). SHB tăng cường nâng cao nhận thức cho toàn thể cán bộ nhân viên SHB qua các khóa đào tạo hằng năm; phát hành các bản tin về an ninh thông tin qua màn hình chờ máy tính và thư điện tử nội bộ; phát hành các ấn phẩm về an ninh thông tin;

c). SHB tăng cường phổ biến, truyền thông, nâng cao nhận thức của khách hàng qua email, website của SHB, các bản tin tại quầy, tư vấn các nguy cơ, rủi ro tiềm ẩn và hướng dẫn khách hàng các biện pháp phòng ngừa rủi ro bị lừa đảo, mất cắp thông tin.

### 4. Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động:

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động được xác định trên 15% chỉ số kinh doanh trung bình của 3 năm gần nhất tại thời tính toán và được quy định). theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 41. Cụ thể số liệu hợp nhất như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị
Chỉ số BI - Quý gần nhất	11,251,689
Chỉ số BI - cùng Quý năm trước	8,024,931
Chỉ số BI - cùng Quý hai năm trước	7,355,749
<b>Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động</b>	<b>1,331,618</b>

## VII. RỦI RO THỊ TRƯỜNG:

**Rủi ro thị trường là** rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường.

Rủi ro thị trường là một trong những rủi ro trọng yếu đối với Ngân hàng. Để xác định vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường, Ngân hàng đã xây dựng: (1) Quy định các điều kiện, tiêu chí xác định khoản mục thuộc sổ kinh doanh để tính trạng thái rủi ro trên sổ kinh doanh, đảm bảo tách biệt với sổ Ngân hàng; nguyên tắc phân loại sổ và chuyển số từ sổ kinh doanh sang sổ ngân hàng; (2) Ban hành chính sách, quy trình xác định trạng thái rủi ro để tính vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường.

### 1. Chính sách quản lý rủi ro thị trường

Chính sách quản lý rủi ro thị trường của SHB được ban hành và thường xuyên rà soát nhằm đảm bảo phù hợp với chiến lược quản trị rủi ro của ngân hàng trong từng thời kỳ. Trên cơ sở các mục tiêu, nguyên tắc

được quy định tại Chính sách QLRR thị trường, Ngân hàng đã xây dựng và ban hành đầy đủ các hệ thống các văn bản quy định, quy trình về QLRR thị trường như: Quy định phân tách sổ kinh doanh và sổ ngân hàng, Quy định đo lường RR thị trường, Hướng dẫn đo lường RRTT, Quy trình QLRR thị trường, Các văn bản quy định về hạn mức RRTT,... đảm bảo công tác QLRR thị trường được thực hiện hiệu quả và nhất quán.

Chính sách quản lý rủi ro thị trường của SHB quy định:

a). Mục tiêu, nguyên tắc QLRR để thực hiện các yêu cầu đối với chiến lược QLRR thị trường, hệ thống kiểm soát RRTT bao gồm 03 tuyến phòng vệ. Nguyên tắc QLRR thị trường trong điều kiện bình thường và điều kiện khủng hoảng thông qua thiết lập các giới hạn/hạn mức để quản lý và xây dựng các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng, đánh giá khả năng chịu đựng của SHB từ đó xây dựng kế hoạch dự phòng cho các tình huống bất lợi. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro thị trường và nguyên tắc áp dụng các biện pháp phòng ngừa cũng được quy định trong Chính sách QLRR thị trường;

b). Trách nhiệm của các cấp trong công tác quản lý RRTT. Chính sách QLRR thị trường quy định các nội dung của công tác quản lý RRTT từ nhận diện, đo lường, theo dõi/kiểm soát và báo cáo RRTT bao gồm cảnh báo sớm về RRTT thông qua các phương pháp mô hình và hệ thống các chỉ số QLRR thị trường: Trạng thái mở, Độ nhạy PV01 (present value of one basic point), Đánh giá lãi lỗ PnL (Profit and loss) các giao dịch đã đóng trạng thái và trạng thái mở theo giá trị thị trường (MtM Mark to market), Giá trị rủi ro (VaR Value at risk),...

c). Các nguyên tắc chung khi xây dựng, rà soát và thực hiện hạn mức RRTT, bao gồm các nguyên tắc: Tất cả các sản phẩm, hoạt động kinh doanh có tiềm ẩn RRTT tại SHB đều phải xác định giới hạn RRTT trước khi tiến hành; Đảm bảo các bộ phận và cán bộ liên quan hiểu rõ và tuân thủ các giới hạn RRTT; Các ĐVKD có trách nhiệm thực hiện kinh doanh trong phạm vi hạn mức được quy định; Việc điều chỉnh hạn mức RRTT được thông báo kịp thời cho giao dịch viên, đơn vị giao dịch và các cá nhân bộ phận liên quan để thực hiện giao dịch kinh doanh, kiểm soát RRTT cho ngày tiếp theo,...

d). Nguyên tắc QLRR thị trường đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới, bao gồm: phân tích/đánh giá, thẩm định RRTT trước khi tiến hành; có các tiêu chí xác định sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới; xác định quy mô, thời gian thử nghiệm; các phương án dự phòng và xử lý trong trường hợp thị trường diễn biến bất lợi;...

e). Kiểm tra sức chịu đựng RRTT nhằm tính toán vốn yêu cầu trong điều kiện căng thẳng và xây dựng các kế hoạch dự phòng bao gồm: phạm vi, tần suất thực hiện, yêu cầu về kịch bản/giả định, phương pháp kiểm tra sức chịu đựng bao gồm phương pháp phân tích kịch bản và phương pháp phân tích độ nhạy.

Hạn mức rủi ro thị trường: SHB ban hành hạn mức rủi ro thị trường theo các loại rủi ro (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất,...) và cho các sản phẩm chịu rủi ro thị trường (kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh giấy tờ có giá, phái sinh lãi suất,...). Các hạn mức rủi ro thị trường được rà soát định kỳ tối thiểu hàng năm hoặc đột xuất khi có biến động lớn trên thị trường.

Hệ thống hạn mức rủi ro thị trường của SHB bao gồm các hạn mức sau:

a). Hạn mức giao dịch viên (dealers);

b). Hạn mức lỗ, cắt lỗ (stop loss);

c). Hạn mức đối với danh mục sản phẩm, hạn mức về trạng thái rủi ro: hạn mức thời gian nắm giữ tối đa, hạn mức PV01, hạn mức trạng thái ngoại tệ, hạn mức cơ cấu danh mục,...

## 2. Chiến lược tự doanh

Chiến lược tự doanh được xây dựng cho các hoạt động/sản phẩm tự doanh tại Khối Kinh doanh vốn và Thị trường tài chính, Khối Ngân hàng Đầu tư của SHB. Chiến lược tự doanh được xây dựng cho giai đoạn 03 năm và được rà soát hàng năm để có những điều chỉnh kịp thời với tình hình thị trường và điều kiện kinh doanh thay đổi.

SHB xây dựng chiến lược tự doanh cho từng sản phẩm, từng loại tiền tệ, kèm theo các nguyên tắc phòng ngừa rủi ro cho từng nhóm sản phẩm trên cơ sở Khẩu vị rủi ro của SHB, tối ưu hóa sử dụng Vốn đảm bảo cân đối giữa mục tiêu lợi nhuận và chỉ tiêu an toàn vốn.

## 3. Danh mục thuộc sổ kinh doanh

SHB đã ban hành Quy định phân tách sổ kinh doanh và sổ ngân hàng. Theo đó, quy định chi tiết các nội dung:

- Điều kiện ghi nhận sổ kinh doanh và sổ ngân hàng;
- Đặc điểm của các giao dịch thuộc sổ kinh doanh;
- Nguyên tắc quản lý sổ kinh doanh và sổ ngân hàng;
- Điều chuyển trạng thái giữa sổ kinh doanh và sổ ngân hàng;
- Trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong công tác phân tách và quản lý sổ.

Danh mục sổ kinh doanh của SHB ghi nhận các trạng thái:

- Giao dịch tự doanh (trừ giao dịch phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho sổ ngân hàng);
- Giao dịch để thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh phát hành công cụ tài chính;
- Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro của các giao dịch tự doanh của ngân hàng;
- Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác và các giao dịch để đối ứng với các giao dịch này.

Tại thời điểm 30/06/2020, danh mục thuộc sổ kinh doanh của SHB bao gồm:

- Danh mục Giấy tờ có giá trên sổ kinh doanh;
- Danh mục kinh doanh ngoại hối, bao gồm: giao dịch ngoại tệ giao ngay, giao dịch ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch ngoại tệ hoán đổi.

## 4. Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường

SHB thực hiện tính vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường theo phương pháp tiêu chuẩn (SA standardized approach), tuân thủ hướng dẫn tại Thông tư 41 của NHNN. Theo đó, Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường bao gồm:

- Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất, ngoại trừ giao dịch quyền chọn;
- Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu, ngoại trừ giao dịch quyền chọn;
- Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cả hàng hóa, ngoại trừ giao dịch quyền chọn;
- Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối (bao gồm vàng), ngoại trừ giao dịch quyền chọn;
- Vốn yêu cầu cho hợp đồng quyền chọn.



Đối với danh mục của SHB, SHB thực hiện tính toán vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường đối với 2 loại rủi ro là: (i) rủi ro lãi suất và (ii) rủi ro ngoại hối; do SHB không thực hiện các hoạt động kinh doanh cổ phiếu, hàng hóa và giao dịch quyền chọn nên không phát sinh vốn yêu cầu cho các rủi ro này.

Tại thời điểm 30/06/2020, Tổng tài sản có rủi ro thị trường (TSCRR) bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối của SHB chiếm 0.55% và 0.82% tổng TSCRR tương ứng với số liệu riêng lẻ và hợp nhất. Chi tiết số liệu hợp nhất như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất	
	Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	Tổng tài sản có rủi ro
Rủi ro lãi suất	152,860	1,910,751
Rủi ro giá cổ phiếu	-	-
Rủi ro ngoại hối	81,540	1,019,251
Rủi ro giá hàng hóa	-	-
Rủi ro cho các giao dịch quyền chọn	-	-
<b>Tổng</b>	<b>234,400</b>	<b>2,930,002</b>



Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp

**NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI**

**Địa chỉ: 77 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

**Điện thoại: (024) 3942 3388 | Fax: (024) 3941 0944**

**Website: [www.shb.com.vn](http://www.shb.com.vn)**